

# MARKET LENS

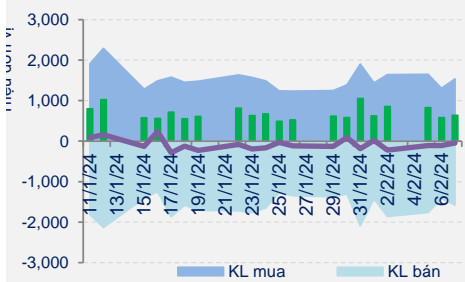
Phiên giao dịch ngày: 7/2/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

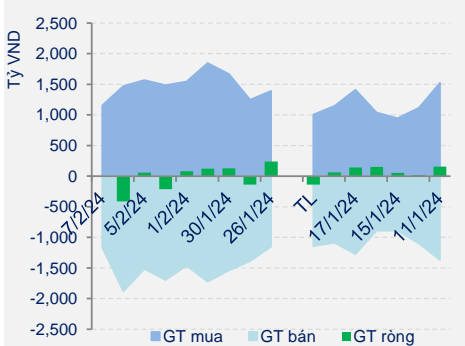
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,198.53	231.04
% Thay đổi	↑ 0.85%	↑ 0.18%
KLGD (CP)	635,397,443	63,177,317
GTGD (tỷ đồng)	15,466.91	1,229.55
Tổng cung (CP)	1,579,994,132	117,097,400
Tổng cầu (CP)	1,536,226,723	99,997,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	36,820,235	2,266,756
KL mua (CP)	37,622,905	512,242
GT mua (tỷ đồng)	1,155.44	19.96
GT bán (tỷ đồng)	1,165.84	42.01
GT ròng (tỷ đồng)	(10.40)	(22.05)

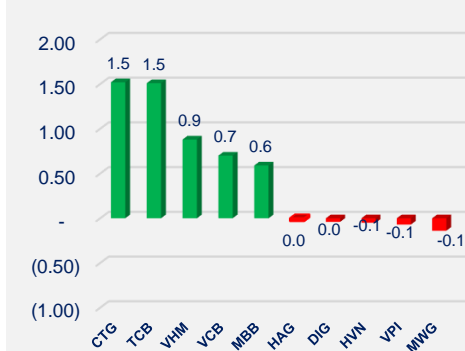
### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường trong phiên giao dịch cuối cùng trước kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên Đán tiếp tục diễn biến khá tích cực, với tâm lý lạc quan khi VN-INDEX đang vượt lên đường xu hướng giảm giá trung dài hạn kéo dài nổi các vùng đỉnh quanh 1.550 điểm tháng 04/2022 và 1.255 điểm tháng 9/2023 đến nay. Kết phiên VN-INDEX tiếp tục tăng 10,05 điểm (+0,85%) lên mức 1.198,53 điểm, hướng đến vùng giá tâm lý và đỉnh giá cao nhất năm 2018 tương ứng 1.200 điểm - 1.211 điểm. HNX-INDEX tăng 0,41 điểm (+0,18%) lên mức 231,04 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực, lạc quan với 451 mã tăng giá (08 mã tăng trần), 170 mã giảm giá (03 mã giảm sàn) và 156 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 16.688 tỷ đồng được giao dịch, tăng 1,52% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Thị trường phân hóa tích cực, lực cầu, dòng tiền ngắn hạn luân chuyển liên tục ở các mã, nhóm mã. Khỏi ngoại giảm tỉ trọng giao dịch, bán ròng nhẹ trên HOSE với giá trị 10,40 tỷ đồng, tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 22,05 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trong nước tại ngày 31/1 là 7,36 triệu, tăng 125.048 tài khoản trong tháng 1, gấp 3,2 lần so với mức tăng của tháng 12/2023 và 3,5 lần so với cùng kỳ tháng 1/2023. Tổng số tài khoản chứng khoán đạt trên 7,41 triệu tài khoản.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là động lực dẫn dắt thị trường khi đa số tăng điểm tích cực, nhiều mã thanh khoản đột biến với TCB (+4,63%), CTG (+3,20%), PGB (+2,57%), DHB (+2,39%).. ngoài NVB (-2,70%). Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tích cực khi thanh khoản gia tăng trở lại, nhiều mã giao dịch rất đột biến, nổi bật như VDS (+4,25%), VND (+4,07%), TVB (+3,26%), BVS (+2,31%)...ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình TCI (-1,52%), EVS (-1,27%), PSI (-1,19%)...

Thị trường vẫn có diễn biến phân hóa với dòng tiền ngắn hạn có tính chất luân chuyển liên tục, nhiều nhóm mã tiếp tục có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng đột biến như nông nghiệp DBC (+5,55%), BAF (+2,19%)... phân bón DCM (+3,03%), DPM (+1,80%)...

Các cổ phiếu xây lắp điện, xây dựng đa số cũng có diễn biến nổi bật với thanh khoản trên mức trung bình với TV2 (+3,17%), PC1 (+1,53%), LCG (+1,15%)... ngoài các mã điều chỉnh nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình như C4G (-0,86%), CTD (-0,45%).... Trong khi các nhóm ngành khác đa số phân hóa, biến động trong biên độ hẹp trong phiên cuối cùng trước kỳ nghỉ lễ Tết Âm lịch

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 tăng 15,1 điểm (+1,25%) chênh lệch dương tăng lên 6,3 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 21,93% so với phiên trước cho thấy các vị thế mua gia tăng. VN30F2402 vượt đỉnh cũ 1.196,4 tháng 01/2024 và hướng đến kháng cự tiếp theo quanh 1.225 điểm - 1.230 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 9,0 điểm đến 2,1 điểm so với VN30. Mức chênh lệch thu hẹp so với VN30, cho thấy các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn và tiếp tục phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục đà tăng điểm như chúng tôi đã dự báo và VN-Index đã tiến sát ngưỡng kháng cự tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm. Chốt phiên Vn-Index tăng 10,05 điểm (+0,85%) lên mức 1.198,53 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm Vn-Index sẽ sớm có rung lắc quanh ngưỡng cản 1.200 điểm và tích lũy thêm để gia tăng nội lực trước khi có thể vượt qua ngưỡng cản này.

Xu hướng trung hạn của thị trường là đang tích lũy lại và tiến tới vùng cân bằng mới trước khi cần thêm các tín hiệu vĩ mô, dòng tiền ủng hộ cho giai đoạn tăng trưởng mới, tuy nhiên thời gian tích lũy dự báo sẽ kéo dài và kênh tích lũy trung hạn của Vn-Index sẽ trong vùng rộng từ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Vn-Index dự báo sẽ sớm có rung lắc quanh ngưỡng cản tâm lý 1.200 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã tích cực giải ngân trong các phiên trước tiếp tục nắm giữ danh mục, không nên mua đuổi. Nhà đầu tư trung, dài hạn có thể duy trì chiến lược mua dần các cổ phiếu đầu ngành, cơ bản tốt, kỳ vọng kết quả tích cực trong năm nay và đang giao dịch tại các mức định giá hấp dẫn.

Như vậy phiên giao dịch cuối cùng của năm Quý Mão đã khép lại, chúng tôi hy vọng những bản tin phân tích trong năm vừa qua đã giúp các nhà đầu tư có thêm kênh tham khảo giá trị, hẹn gặp lại quý vị trong các bản tin tiếp theo trong năm Giáp Thìn 2024. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: n giao dịch ngày:

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu Q4/2023	T.trưởng Lợi nhuận Q4/2023	
DPM	33.90	31-33	38-39	29	24.9	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
FOX	61.29	57-59	67-69	53	12.7	4.9%	15.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	34.35	31-32	36-37	29	14.5	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	34.00	31-32	36-37	30	16.3	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
VCS	61.80	58-60	68-69	55	11.7	-6.0%	14.5%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.75	27.5-28.3	31-32	26	27.6	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.60	36.8-37.8	40-41	35	20.8	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.60	22.3	28-28.5	25	19.3%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	53.60	45.1	56-58	51	18.8%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.75	27.55	30-31	27.5	4.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.25	18.09	23-24	19	6.4%	Nắm giữ

## TIN VĨ MÔ

**Số tài khoản chứng khoán mở mới tăng gấp 3 lần tháng 12-2023**

Tăng trưởng về số lượng tài khoản chứng khoán cao nhất trong nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước cho thấy sự quan tâm lớn hơn của nhóm nhà đầu tư nội địa thị trường này. Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), số lượng tài khoản của nhà đầu tư trong nước đã tăng thêm 125.169 tài khoản trong tháng 1-2024, gấp hơn 3 lần so với mức tăng của tháng 12-2023. Đây được cho là số lượng tài khoản chứng khoán mở mới cao nhất trong vòng bốn tháng trở lại. Cụ thể, trong tháng 1, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm chủ yếu đến từ nhà đầu tư cá nhân với 125.048 tài khoản. Trong khi đó, tài khoản của nhà đầu tư tổ chức chỉ tăng thêm 121 tài khoản.

**HSBC cảnh báo rủi ro khi nợ hộ gia đình tăng mạnh từ 28% GDP lên 50% GDP**

Theo HSBC, đòn bẩy tiêu dùng gia tăng không bền vững có thể tạo ra những rủi ro đáng kể cho ngành ngân hàng Việt Nam, cũng như ảnh hưởng đến chi tiêu tiêu dùng trong tương lai do phải cắt thêm thu nhập để trả nợ. Trong báo cáo vừa phát hành, ngân hàng HSBC cho rằng vấn đề chính cần lưu tâm là nợ của hộ gia đình gia tăng. Đòn bẩy tiêu dùng gia tăng không bền vững có thể tạo ra những rủi ro đáng kể cho ngành ngân hàng Việt Nam, cũng như ảnh hưởng đến chi tiêu tiêu dùng trong tương lai do phải cắt thêm thu nhập để trả nợ", nhóm phân tích cho hay.

**Giá vàng miếng âm thầm lên gần 79 triệu đồng/lượng ngày cận Tết, cao hơn thế giới gần 19 triệu đồng/lượng**

Giá vàng thế giới tăng trở lại khi tỷ giá đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ quay đầu giảm trong bối cảnh nhà đầu tư đợi phát biểu của một số quan chức Cục Dự trữ Liên bang (Fed) trong tuần này... Trong nước, giá vàng miếng tiếp tục xu hướng tăng nhanh hơn, giảm chậm hơn giá vàng quốc tế, tiến gần mốc 79 triệu đồng/lượng. Lúc gần 9h sáng nay (7/2), Tập đoàn Phú Quý niêm yết giá vàng miếng SJC cho thị trường Hà Nội ở mức 76,5 triệu đồng/lượng (mua vào) và 78,9 triệu đồng/lượng (bán ra). So với sáng qua, giá vàng miếng SJC tại doanh nghiệp này hiện tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 400.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

**EIA: Sản lượng dầu thô của Mỹ sẽ chỉ tăng nhẹ trong năm nay**

Hôm thứ Ba (6/2), Cơ quan Thông tin Năng lượng (EIA) cho biết, sản lượng dầu của Mỹ sẽ chỉ tăng thêm 160.000 thùng/ngày trong năm nay, giảm đáng kể so với mức tăng 1,02 triệu thùng/ngày vào năm 2023. Điều này đồng nghĩa với việc con số xuất khẩu dầu thô kỷ lục hơn 13,3 triệu thùng/ngày của tháng 12 sẽ không thể đạt được cho đến tháng 2/2025. Sản lượng xuất khẩu dầu thô của Mỹ đã giảm xuống 12,6 triệu thùng trong tháng 1 do thời tiết khắc nghiệt làm đóng băng sản xuất. EIA dự kiến trong tháng 2 rằng sản lượng sẽ phục hồi lên mức gần kỷ lục, trước khi giảm xuống trong thời gian còn lại của năm 2024.



## TIN DOANH NGHIỆP

### Lãi ròng CEO “bốc hơi” 75% trong quý 4

Hoạt động kinh doanh năm 2023 lao dốc do mảng bất động sản và du lịch ảm đạm, khiến lợi nhuận ròng của Tập đoàn C.E.O chỉ đạt 153 tỷ đồng, giảm 45% và không hoàn thành kế hoạch năm. CTCP Tập đoàn C.E.O (HNX: CEO) công bố BCTC hợp nhất quý 4/2023 với doanh thu thuần gần 451 tỷ đồng, giảm 70% so với cùng kỳ. Doanh thu kỳ này giảm phần lớn là do nguồn thu từ kinh doanh bất động sản giảm mạnh tới 78% so với cùng kỳ năm trước, chỉ còn hơn 303 tỷ đồng. Mặc dù gần như các chi phí trong kỳ của Doanh nghiệp đều giảm, tuy nhiên vẫn không đủ lớn để CEO tạo kỳ tích. Kết quả, CEO báo lãi ròng hơn 46 tỷ đồng, kém 75% so cùng kỳ.

### Lãi ròng 2023 của Hodeco rơi 69%, thấp nhất trong 5 năm qua

“Gãy” trụ đỡ tài chính trong quý 4/2023 khiến cho lãi ròng cả năm của CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (Hodeco, HOSE: HDC) chỉ đạt hơn 131 tỷ đồng, giảm 69%, đây cũng là mức thấp nhất trong 5 năm qua. Quý 4/2023, mặc dù Hodeco ghi nhận doanh thu thuần gần 192 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lãi ròng chỉ đạt gần 47 tỷ đồng, giảm 73%. Khép lại năm 2023, Hodeco ghi nhận gần 666 tỷ đồng doanh thu thuần và lợi nhuận ròng hơn 131 tỷ đồng, lần lượt giảm 49% và 69% so với năm 2022. Đây cũng là năm HDC có lãi ròng thấp nhất kể từ năm 2019.

### Doanh thu tiêu thụ TNG đạt 523 tỷ đồng trong tháng 1

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã: TNG) cho biết doanh thu tiêu thụ trong 1/2024 đạt 523 tỷ đồng, tăng 126 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương đương tăng gần 32%. Ngay từ đầu năm 2024, TNG cho biết đã ký các đơn hàng may xuất khẩu với nhiều đối tác như: Decathlon, Columbia, The Children's Place, Sportmaster, Costco, Nike, Adidas... Nhìn lại năm 2023, TNG là số ít trong các doanh nghiệp dệt may hoàn thành và vượt kế hoạch cả năm 2023 trong bối cảnh xuất khẩu toàn ngành gặp khó.

### Tập đoàn PVN dự chi khoảng 2 tỷ USD cho kế hoạch đầu tư các dự án khí năm 2024

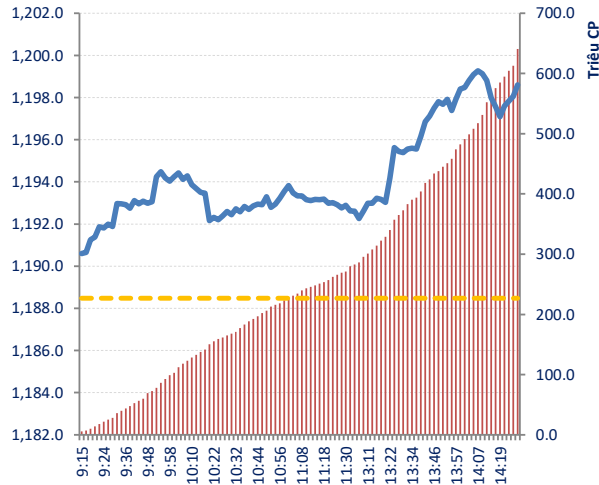
Năm 2024, Tập đoàn PVN dự chi khoảng 2 tỷ USD cho công tác đầu tư, gấp rưỡi thực hiện năm ngoái. Trong đó Chuỗi dự án Lô B - Ô Môn là dự án được chú trọng, cần ưu tiên các công việc để đạt mốc Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) theo kế hoạch. Theo thực tiễn triển khai kế hoạch đầu tư phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam - PVN) đến năm 2025, trong giai đoạn 2021 - 2023, giá trị thực hiện giải ngân của tập đoàn năm sau cao hơn năm trước.



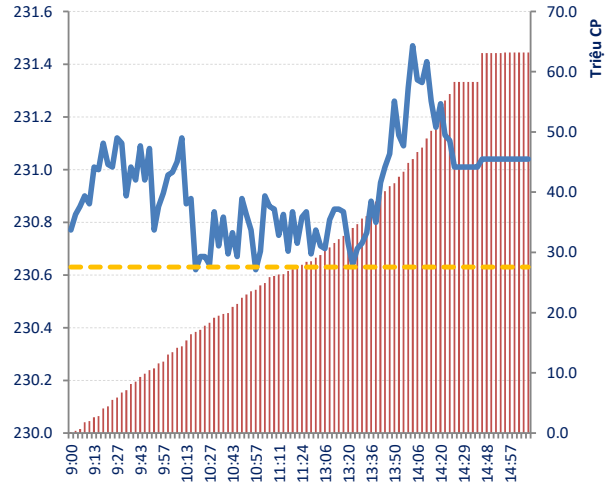


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

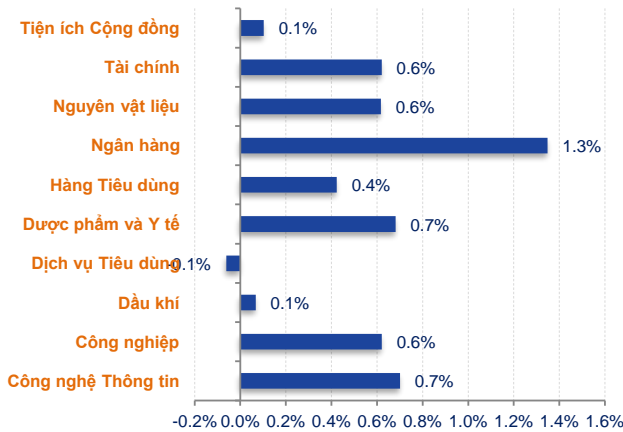
KLGD và VN-Index trong phiên



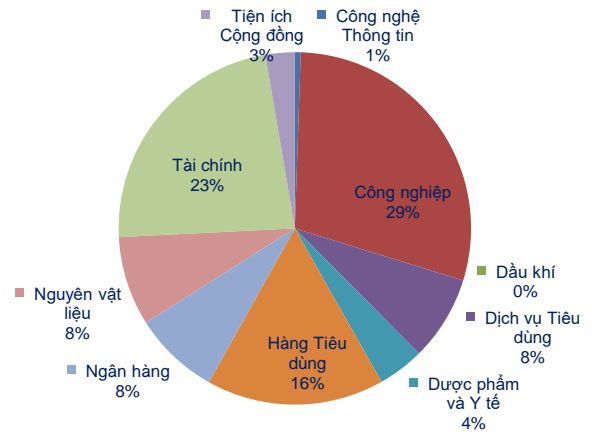
KLGD và HNX-Index trong phiên



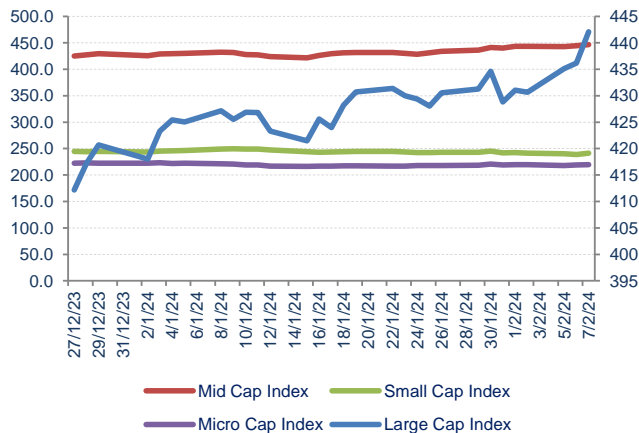
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



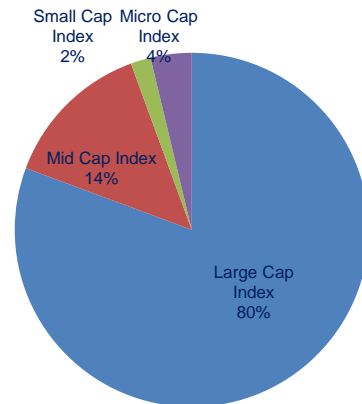
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	6,984,300	NVL	4,672,451	1	IDC	277,585	SHS	1,044,899
2	CTG	2,892,766	VRE	2,142,920	2	DHT	30,000	CEO	322,370
3	DBC	2,001,300	GEX	1,876,900	3	MST	24,700	MBS	131,700
4	VPB	1,461,230	VIX	1,396,000	4	VGS	24,500	PPS	84,900
5	TTA	783,300	LPB	1,367,100	5	DTD	23,300	LAS	75,800

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	22.10	23.00	↑ 4.07%	46,163,900	SHS	17.50	17.60	↑ 0.57%	17,812,305
SHB	11.55	11.65	↑ 0.87%	23,906,017	CEO	21.40	21.10	↓ -1.40%	10,316,894
NVL	17.25	17.30	↑ 0.29%	22,942,400	PVS	37.60	37.60	→ 0.00%	3,967,554
DBC	27.05	28.55	↑ 5.55%	22,298,800	HUT	18.70	18.90	↑ 1.07%	2,644,406
MBB	23.05	23.50	↑ 1.95%	21,909,300	MBS	26.70	27.00	↑ 1.12%	2,579,347

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ADP	20.75	22.20	1.45	↑ 6.99%	ARM	22.10	24.30	2.20	↑ 9.95%
CRC	6.30	6.74	0.44	↑ 6.98%	BDB	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
PNC	8.60	9.20	0.60	↑ 6.98%	MCO	9.60	10.50	0.90	↑ 9.38%
L10	18.90	20.20	1.30	↑ 6.88%	HGM	46.00	49.80	3.80	↑ 8.26%
HTL	17.00	18.15	1.15	↑ 6.76%	TTT	34.40	36.90	2.50	↑ 7.27%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	47.00	43.75	-3.25	↓ -6.91%	KTT	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
SCD	14.75	13.75	-1.00	↓ -6.78%	NAP	13.00	11.80	-1.20	↓ -9.23%
FUEIP100	8.29	7.88	-0.41	↓ -4.95%	PTD	8.10	7.40	-0.70	↓ -8.64%
ST8	12.45	11.90	-0.55	↓ -4.42%	X20	11.10	10.20	-0.90	↓ -8.11%
DTL	14.30	14.00	-0.30	↓ -2.10%	PPP	17.00	15.80	-1.20	↓ -7.06%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	46,163,900	13.0%	1,657	13.3	1.6
SHB	23,906,017	16.1%	2,064	5.6	0.8
NVL	22,942,400	1.8%	413	41.8	0.7
DBC	22,298,800	0.5%	103	261.8	1.4
MBB	21,909,300	23.5%	3,966	5.8	1.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,812,305	5.7%	688	25.4	1.4
CEO	10,316,894	3.1%	408	52.4	1.8
PVS	3,967,554	6.6%	1,812	20.7	1.3
HUT	2,644,406	0.6%	82	228.4	1.5
MBS	2,579,347	12.3%	1,334	20.0	2.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ADP	↑ 7.0%	20.9%	2,540	8.2	1.7
CRC	↑ 7.0%	7.3%	942	6.7	0.5
PNC	↑ 7.0%	6.9%	1,091	7.9	0.5
L10	↑ 6.9%	9.9%	2,646	7.1	0.7
HTL	↑ 6.8%	15.7%	3,225	5.3	0.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ARM	↑ 10.0%	11.0%	1,295	17.1	1.8
BDB	↑ 9.8%	6.8%	837	14.7	1.0
MCO	↑ 9.4%	0.6%	80	120.4	0.7
HGM	↑ 8.3%	28.8%	4,577	10.0	2.8
TTT	↑ 7.3%	5.8%	5,341	6.4	0.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	6,984,300	13.0%	1,657	13.3	1.6
CTG	2,892,766	17.0%	3,723	9.2	1.4
DBC	2,001,300	0.5%	103	261.8	1.4
VPB	1,461,230	8.3%	1,445	13.4	1.1
TTA	783,300	5.6%	639	12.8	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	277,585	22.6%	4,221	13.3	3.0
DHT	30,000	9.1%	1,147	23.5	2.1
MST	24,700	9.1%	1,004	6.3	0.6
VGS	24,500	6.1%	1,090	20.5	1.2
DTD	23,300	19.5%	4,328	6.5	1.1

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	21.7%	5,910	15.1	3.0
BID	278,181	19.0%	3,781	12.9	2.3
CTG	184,728	17.0%	3,723	9.2	1.4
VHM	178,529	20.0%	7,607	5.4	1.0
GAS	173,863	18.4%	5,053	15.0	2.7

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,579	22.6%	4,221	13.3	3.0
PVS	17,972	6.6%	1,812	20.7	1.3
HUT	16,690	0.6%	82	228.4	1.5
SHS	14,230	5.7%	688	25.4	1.4
THD	13,590	3.0%	470	75.1	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	2.58	9.6%	1,261	24.7	2.3
AGR	2.58	5.9%	679	25.5	1.5
CII	2.51	2.2%	683	26.9	0.7
FCN	2.46	1.1%	232	60.7	0.7
FTS	2.41	12.7%	2,074	23.4	2.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

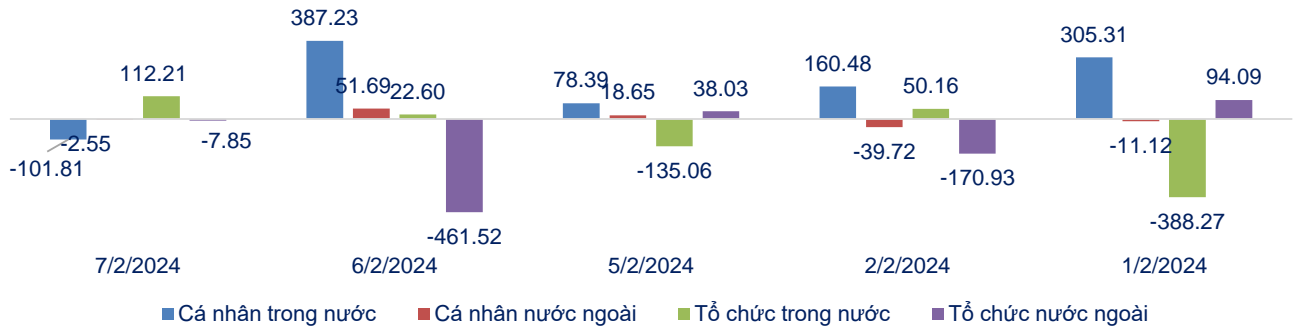
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2.51	5.7%	688	25.4	1.4
HUT	2.46	0.6%	82	228.4	1.5
MBS	2.29	12.3%	1,334	20.0	2.3
EVS	2.26	1.9%	228	34.6	0.7
VIG	2.24	9.6%	685	11.1	1.0





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	96.21	24.8%	4,131	6.7	1.5
NVL	78.46	1.8%	413	41.8	0.7
VNM	66.54	26.2%	4,248	15.9	4.0
VRE	57.64	12.4%	1,940	11.2	1.3
MWG	43.60	0.7%	115	410.2	2.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-163.81	13.0%	1,657	13.3	1.6
CTG	-97.91	17.0%	3,723	9.2	1.4
FPT	-66.09	23.4%	5,105	20.4	4.4
VPB	-57.67	8.3%	1,445	13.4	1.1
DBC	-56.36	0.5%	103	261.8	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	4.60	26.2%	4,248	15.9	4.0
FTS	1.08	12.7%	2,074	23.4	2.9
DBC	1.03	0.5%	103	261.8	1.4
VCI	0.83	7.1%	1,127	39.8	2.7
HCM	0.70	8.3%	1,230	22.2	1.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-3.91	6.9%	1,175	23.9	1.6
SSI	-3.18	10.1%	1,531	22.9	2.3
SKG	-1.34	8.1%	1,101	13.0	1.0
TV2	-1.26	3.9%	785	52.2	2.1
GMD	-1.09	25.2%	7,333	9.4	2.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	68.00	23.4%	5,105	20.4	4.4
VPB	29.24	8.3%	1,445	13.4	1.1
DGC	16.80	27.2%	8,186	11.7	3.0
PVD	12.97	4.0%	1,040	27.6	1.1
MSN	11.52	1.1%	293	220.9	2.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-96.21	24.8%	4,131	6.7	1.5
SSI	-23.81	10.1%	1,531	22.9	2.3
TCB	-11.97	14.7%	5,118	7.0	1.0
POW	-11.49	3.2%	459	24.7	0.8
VRE	-11.06	12.4%	1,940	11.2	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	158.52	13.0%	1,657	13.3	1.6
CTG	103.76	17.0%	3,723	9.2	1.4
DBC	54.72	0.5%	103	261.8	1.4
VPB	28.13	8.3%	1,445	13.4	1.1
DCM	24.11	10.7%	2,091	15.8	1.7

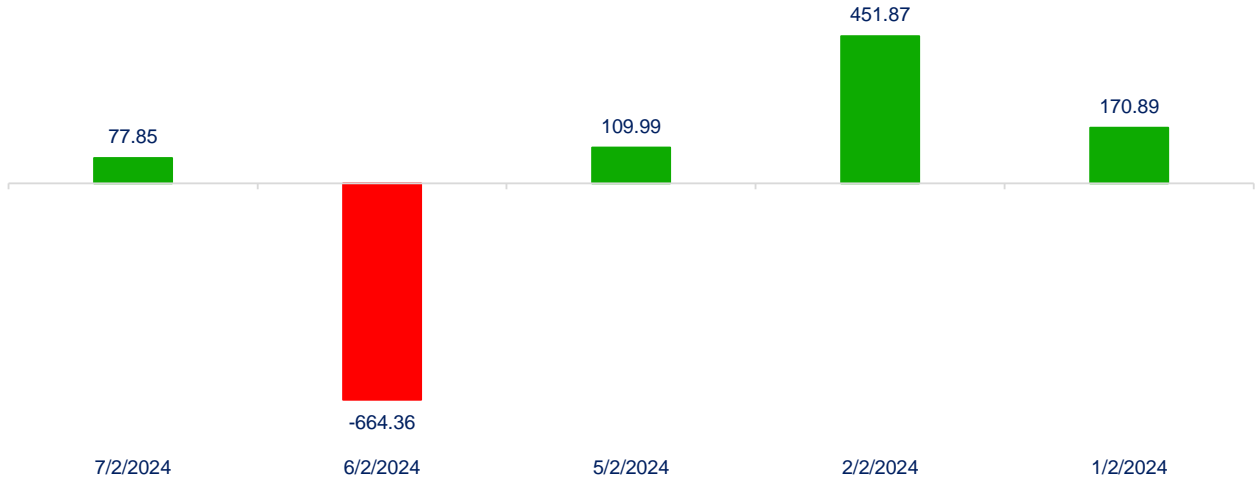
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-81.05	1.8%	413	41.8	0.7
VNM	-65.10	26.2%	4,248	15.9	4.0
VRE	-47.11	12.4%	1,940	11.2	1.3
MWG	-45.53	0.7%	115	410.2	2.9
GEX	-40.22	1.6%	389	54.4	0.8

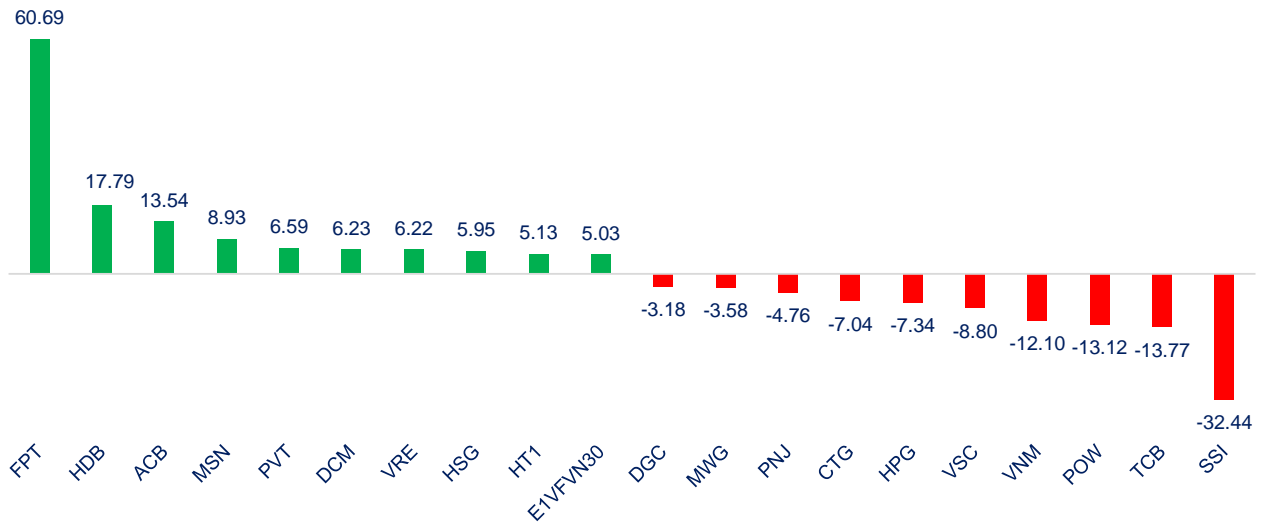


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)